

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ - PT

Ngày: 10- 7 - 2018

V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Thúy Hồng

Ông Nguyễn Hữu Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về “ Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con,”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 19/2018/HNGĐ- ST ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2018/QĐ - PT ngày 20 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **La Thị R**, sinh năm 1974 (có mặt).

Cư trú: Tổ 11, Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn. Anh **Trần Văn U**, sinh năm 1979 (có mặt).

Cư trú: Tổ 11, Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Các con chung trên 7 tuổi gồm:

Trần Yên T, sinh ngày 24/5/2000.(xin vắng mặt)

Trần Thanh T, sinh ngày 22/5/2001. (xin vắng mặt)

Trần Thanh T, sinh ngày 15/9/2002. (xin vắng mặt)

Trần Thị Thanh T, sinh ngày 30/8/2006. (xin vắng mặt)

- Người kháng cáo: Anh Trần Văn U là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2017 nguyên đơn chị La Thị R trình bày:

Vào năm 1999 chị và anh Trần Văn U chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 26/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện R, tỉnh Kiên Giang, có 04 con chung tên Trần Yến T, sinh ngày 24/5/2000; Trần Thanh T, sinh ngày 22/5/2001; Trần Thanh T, sinh ngày 15/9/2002 và Trần Thị Thanh T, sinh ngày 30/8/2006. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không thiếu nợ ai. Mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cự cãi, gây gổ với nhau về vấn đề tiền bạc kinh tế trong gia đình đến mức trầm trọng, thậm chí anh Út còn có hành vi đánh đập, xua đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ chồng đã nhiều lần khuyên bảo lẫn nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không được, từ đó vợ chồng không hạnh phúc.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh Trần Văn U.

Về con chung: đối với Trần Yến T và Trần Thanh T giao cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; đối với Trần Thanh T và Trần Thị Thanh T chị yêu cầu được trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không yêu cầu nào khác.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2018, ngày 01/02/2018 và ngày 11/4/2018 bị đơn anh Trần Văn U trình bày: Anh thống nhất về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con, tài sản, nợ chung như chị R trình bày, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh thường hay uống rượu về nhà thì chị R cần nhậu và đòi ly hôn nên anh nóng nảy đập đồ đạc trong nhà như tivi, máy may, lu nước ... hiện vợ chồng vẫn còn sống chung nhà. Nay chị R xin ly hôn, anh không thống nhất ly hôn vì vẫn còn thương chị R. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị R được ly hôn; anh đồng ý trực tiếp nuôi con tên Trần Yến T và Trần Thanh T, không yêu cầu chị R cấp dưỡng nuôi con; anh đồng ý chị R trực tiếp nuôi con tên Trần Thanh T và Trần Thị Thanh T, anh không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung anh không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Do bận công việc, anh xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2018 Trần Yến T trình bày: cha là Trần Văn U, mẹ là La Thị R, hiện không còn đi học mà đi làm khoai phụ giúp gia đình, có biết việc cha mẹ xin ly hôn, không có nguyện vọng ở với ai, tùy theo Tòa án quyết định. Do đi làm nên xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2018 Trần Thanh T trình bày: cha là Trần Văn U, mẹ là La Thị R, hiện đang học lớp 10 tại Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện B. Nay cha mẹ ly hôn, không có ý kiến gì, tùy vào Tòa án quyết định. Do đi học nên xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2018 Trần Thanh T trình bày: cha là Trần Văn U, mẹ là La Thị R, hiện đang học lớp 9 tại trường trung học cơ sở T. Nay cha mẹ ly hôn, không có ý kiến gì, tùy vào Tòa án quyết định. Do đi học nên xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/01/2018 Trần Thị Thanh T trình bày: cha là Trần Văn U, mẹ là La Thị R, hiện đang học lớp 6 tại trường trung học cơ sở T. Cha mẹ ly hôn, nguyện vọng sống với mẹ. Do đi học nên xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 19/2018/HNGĐ- ST ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B xử, quyết định:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho chị La Thị R và anh Trần Văn U ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung Trần Yến T, sinh ngày 24/5/2000 và Trần Thanh T, sinh ngày 22/5/2001 cho anh Trần Văn U trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 15/9/2002 và Trần Thị Thanh T, sinh ngày 30/8/2006 cho chị La Thị R trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh U không yêu cầu chị R cấp dưỡng nuôi con Trần Yến T và Trần Thanh T; Chị R không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con Trần Thanh T và Trần Thị Thanh T. Do đó hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 18/5/2018 bị đơn anh Trần Văn U kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được đoàn tụ với chị La Thị R.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Trần Văn U giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự cũng không có nộp thêm chứng cứ nào khác. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến Kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm xét xử ngày 07/5/2018 đến ngày 18/5/2018 anh Trần Văn U có đơn kháng cáo trong hạn luật định hợp lệ. Anh Trần Văn U có nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Trần Văn U kháng cáo xin đoàn tụ với chị Rạng vì anh còn thương chị R. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh U không đưa ra giải pháp gì để đoàn tụ và anh cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng thường hay cự cãi do anh thường hay uống rượu về nhà chị R cần nhàn và đòi ly hôn, nên nóng giận đập đồ trong nhà như tivi, lu nước, máy may vv... chị R cũng xác định anh U còn có hành vi đánh đập, xua đuổi chị ra khỏi nhà và chị không thống nhất đoàn tụ. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm triệu tập anh U đến Tòa hòa giải để động viên cho anh chị tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh U làm đơn xin xét xử vắng mặt cho thấy anh U t không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét mâu thuẫn giữa anh U và chị R là trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị R, xử cho chị La Thị R được ly hôn anh Trần Văn U là có căn cứ.

[3] Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn U là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên anh Trần Văn U phải chịu án phí hôn nhân phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn U. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 19/2018/HNGĐ- ST ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Thị R.

Cho chị La Thị Rạng được ly hôn với anh Trần Văn U.

2. Về con chung:

Giao con chung Trần Yến T, sinh ngày 24/5/2000 và Trần Thanh T, sinh ngày 22/5/2001 cho anh Trần Văn U trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung Trần Thanh Tài, sinh ngày 15/9/2002 và Trần Thị Thanh T, sinh ngày 30/8/2006 cho chị La Thị R trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh U không yêu cầu chị R cấp dưỡng nuôi con Trần Yến T và Trần Thanh T; Chị R không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con Trần Thanh T và Trần Thị Thanh T. Tòa án không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Chị La Thị R phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012008 ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị La Thị R đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Anh Trần Văn U phải chịu án phí hôn nhân phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012175 ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Anh Trần Văn U đã nộp đủ án phí hôn nhân phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC: 01b;
- CA: 01b;
- VKSND TVL: 02b;
- TAND huyện BT: 01b;
- CC THADS huyện BT: 01b;
- Các đs: 02b;
- Lưu 4b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nùng

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hồng Nguyễn Hữu Tuấn Nguyễn Văn Ngừng

